

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST

Ngày: 12/6/2019

*“V/v tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Trường Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Khóa.

Bà Dương Thị Kim Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2019/TLST-DS ngày 16/01/2019, về việc “Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 17/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1978 (Công chứng viên, Phụ trách phòng Công chứng số A tỉnh H); có mặt

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân thành phố C

Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Minh H – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi Trường UBND thành phố C; có đơn xin vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Số 162, Nguyễn T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị B: Luật sư Đỗ Thị Hương Gi thuộc Công ty luật TNHH Tường Minh; có mặt

+ Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1960; có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Số 07, thôn Tr, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, bà Lê Thị D trình bày như sau:

Bà Lê Thị D là công chứng viên của Phòng công chứng số 2 tỉnh Hải Dương. Ngày 03/7/2017, bà D tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B ở thôn T, xã Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nội dung: Yêu cầu công chứng Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Xã Đ, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Theo đó, tài sản chung của hai người được giao cho ông D toàn quyền sở hữu. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, bà D tiến hành kiểm tra, hướng dẫn ông D, bà B tuân thủ đúng các quy định về thủ tục công chứng và các quy định pháp luật có liên quan đến việc thực hiện giao dịch dân sự. Sau đó, bà D tiến hành thủ tục công chứng Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng theo trình tự, nội dung do Phòng Công chứng số A quy định.

Đến tháng 8 năm 2018, bà Nguyễn Thị B đã đến Phòng công chứng số A gặp bà D và xuất trình tài liệu chứng minh bà B không ký vào Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng. Thời điểm công chứng văn bản, bà B đang ở nước ngoài nên không thể ký vào văn bản. Sau khi kiểm tra lại hộ chiếu của bà B, xét thấy thời điểm công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng, bà Nguyễn Thị B không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, bà Lê Thị D khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên bố Văn bản công chứng số 969 quyền số 01/2017 lập ngày 03/7/2017 vô hiệu.

Theo bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B là vợ chồng. Ngày 27/3/2017, ông D và bà B được UBND thị xã C, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 631686 tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 06; địa chỉ tại xã Đ, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Thời điểm này, bà B đang đi lao động xuất khẩu tại Macao – Trung Quốc. Đến tháng 7 năm 2017, do muốn đổi một phần diện tích đất của vợ chồng ông D sang cho diện tích đất của ông Nh (anh ruột ông D) nhưng do bà B đang đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài. Vì vậy, ngày 03/7/2017, ông D dẫn một người phụ nữ

khác (bà Nguyễn Thị Nh em ruột ông D) mạo danh là bà B đến Phòng công chứng số A tỉnh Hải Dương để làm thủ tục công chứng chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với nội dung toàn bộ nhà, đất của ông D – bà B được giao cho ông D toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt. Do tin tưởng người phụ nữ mà ông D dẫn đến là bà B (vợ ông D), nên công chứng viên Lê Thị D đã công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Dựa trên Văn bản công chứng thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ông D và ông Nh đã chuyển đổi một phần diện tích đất cho nhau và làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Nay bà Lê Thị D - Công chứng viên Phòng công chứng số 2 tỉnh Hải Dương yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, ông D hoàn toàn nhất trí. Ngoài ra, ông D còn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ cấp cho ông D và ông Nh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B thống nhất trình bày:

Bà B và ông D là vợ chồng. Ngày 05/02/2017, bà B đi xuất khẩu lao động tại Ma cao – Trung Quốc, đến ngày 11/03/2018 thì về nước. Trong thời gian bà B đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài, ngày 03/7/2017 ông Nguyễn Văn D đã tự ý dẫn một người phụ nữ khác đến Phòng công chứng số A làm thủ tục Công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là trái pháp luật, không đúng với ý chí và nguyện vọng của bà B. Sau khi phát hiện ra sự việc, bà B đã yêu cầu làm rõ sự việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do việc công chứng không đúng quy định pháp luật, nên bà B nhất trí việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông D đề nghị hủy GCNQSDĐ đất đã cấp cho ông D và ông Nh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Nh trình bày:

Ông Nh và ông D có quan hệ là anh, em ruột. Xuất phát từ nhu cầu muốn đổi một phần diện tích đất của ông D sang cho diện tích đất của mẹ ông Nh (sau này là của ông Nh) nên gia đình đã họp bàn thống nhất đổi đất giữa hai người. Tại thời điểm này, bà B là vợ ông D đang đi lao động xuất khẩu tại Macao – Trung Quốc nên ông D đã nhờ em gái là bà Nguyễn Thị Nh mạo danh là bà B đến Phòng công chứng số A tỉnh Hải Dương làm thủ tục công chứng phân chia tài sản chung của vợ chồng ông D. Theo đó, ông D được toàn quyền sở hữu tài sản chung vợ chồng. Sau khi làm xong thủ tục công chứng, ông Nh và ông D đã đổi một phần diện tích đất cho nhau, và làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ. Cụ thể, ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 856509 diện tích

376m² thuộc tờ bản đồ số 06, thửa số 497. Còn ông Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 856510 diện tích 229m² thuộc tờ bản đồ số 06, thửa số 497. Do việc công chứng không đúng quy định pháp luật, nên ông Nh nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông D đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông D và ông Nh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố C trình bày:

Năm 2002, ông Nguyễn Văn D được cấp GCNQSD đất thuộc tờ bản đồ số 06, thửa số 164, diện tích 298,0m² đất ở tại thôn Th, xã Đ, thị xã C, tỉnh Hải Dương. Năm 2017, ông D làm thủ tục cấp lại GCNQSD đất. Ngày 27/03/2017, UBND thị xã C (nay là thành phố C) đã cấp lại GCNQSD đất mang tên ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B.

Do có nhu cầu muốn đổi một phần diện tích đất cho nhau, nên ông Nh và ông D đã làm thủ tục tách thửa đất mình và tặng cho nhau một phần thửa đất. Căn cứ vào Văn bản công chứng chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, UBND thành phố C đã làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông D và ông Nh, cụ thể: Ông Nguyễn Văn D được cấp GCN quyền sử dụng đất số CI 856509 diện tích 376m² thuộc tờ bản đồ số 06, thửa số 497; ông Nh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số CI 856510 diện tích 229m² thuộc tờ bản đồ số 06, thửa số 497.

UBND thành phố C xác định: Việc cấp GCN quyền sử dụng đất cho ông Nh và ông D được thực hiện đúng nội dung, trình tự, thủ tục. Nay bà Lê Thị D - Công chứng viên Phòng công chứng số A yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng giữa ông D và bà B vô hiệu. Đồng thời, ông D yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D và ông Nh, quan điểm của UBND thành phố C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu;

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Nh, đại diện UBND thành phố C) đề nghị xét xử vắng mặt;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà B và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bà B xác định công chứng viên Lê Thị D thực hiện không đúng quy định của pháp luật về công chứng (không kiểm tra tính hợp lệ chứng minh thư của bà B, không kiểm tra dấu vân tay của người đến công chứng với dấu vân tay trên chứng minh thư). Hành vi công chứng sai quy định của bà D đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để lấy lời khai bà Nh và đưa Phòng công chứng số A tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án chưa lấy lời khai bà Nguyễn Thị Nh (em ruột ông D); chưa đưa Phòng công chứng số A tỉnh Hải Dương tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chưa làm rõ GCNQSDĐ cấp cho ông Nh và ông D có làm thủ tục thế chấp cho tổ chức hoặc cá nhân nào không. Do đó, đại diện VKS đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ, làm rõ những nội dung trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Lê Thị D - Công chứng viên Phòng công chứng số A tỉnh Hải Dương yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 11 Điều 26 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu đề nghị hủy GCNQSDĐ số CI 856509 diện tích 376m² thuộc tờ bản đồ số 06, thửa số 497 đứng tên ông D và GCNQSDĐ số CI 856510 diện tích 229m² thuộc tờ bản đồ số 06, thửa số 497 đứng tên ông Nh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh theo Điều 34 BLTTDS.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Nh và đại diện UBND thành phố C có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của nguyên đơn:

Xem xét “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng” giữa ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B lập ngày 03/7/2017 tại Phòng công chứng số A tỉnh Hải Dương, HĐXX thấy rằng: Tại thời điểm lập văn bản thỏa thuận, bà Nguyễn Thị B không có mặt tại Việt Nam, theo Hộ chiếu do bà B cung cấp bà Biên xuất cảnh đi Macao, Trung Quốc từ ngày 05/02/2017 đến tháng 03/2018 mới nhập cảnh về nước. Do vậy, ngày 03/7/2017, bà B không có mặt tại Việt Nam nên không thể ký vào Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng. Mặt khác, ông D cũng thừa nhận do muốn đổi một phần diện tích đất của vợ chồng ông sang cho ông Nh, nên ông D đã tự ý dẫn người phụ nữ khác (mạo

danh là bà B) đến Phòng công chứng số A để ký vào văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng. Do vậy, HĐXX xác định Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng giữa ông D và bà B lập ngày 03/7/2017, không thể hiện sự tự nguyện và ý chí của bà B. Chữ ký trong Văn bản thỏa thuận là giả tạo không phải chữ ký, chữ viết của bà B. Khi tiến hành công chứng văn bản, công chứng viên không xác minh làm rõ có đúng là bà B ký vào Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng hay không đã chứng nhận vào Văn bản phân chia tài sản chung vợ chồng giữa ông D và bà B là vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B. Nay bà Lê Thị D – Công chứng viên Phòng công chứng số A tỉnh Hải Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu là có căn cứ, phù hợp khoản 2 Điều 7, Điều 52 Luật Công chứng.

[2.2]. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn:

Xem xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đề nghị hủy GCNQSDĐ của ông D và ông Nh, HĐXX thấy rằng: Nguồn gốc thửa đất của ông Nh do thừa kế và được tặng cho riêng mà có. Việc ông Nh và ông D chuyển đổi một phần diện tích đất cho nhau và được cấp GCNQSDĐ về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp GCNQSDĐ đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, về mặt nội dung (cơ sở) cấp GCNQSDĐ đất cho ông D và ông Nh, UBND thành phố C lại căn cứ vào Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng lập ngày 03/7/2017 để cấp GCNQSDĐ. Do văn bản công chứng vô hiệu như đã nêu ở trên, nên GCNQSDĐ do UBND thành phố C cấp cho ông D và ông Nh không đúng quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn D hủy GCNQSDĐ cấp cho ông D và ông B.

[3]. Đối với đơn yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị B về việc buộc Phòng công chứng số A tỉnh Hải Dương phải bồi thường thiệt hại do hành vi công chứng sai của Công chứng viên gây ra. Xét thấy, đơn yêu cầu độc lập của bà Biên được gửi đến sau khi Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Mặt khác, bà B đã có đơn xin rút yêu cầu, để khởi kiện bằng vụ án khác, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Đối với quan điểm của đại diện VKS và luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà B đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để làm rõ một số tình tiết liên quan đến vụ kiện. HĐXX thấy rằng:

Về việc lấy lời khai bà Nguyễn Thị Nh: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, các bên đương sự đều thừa nhận: Ông D dẫn em gái (bà Nguyễn Thị Nh) mạo danh là bà B đến gặp công chứng viên để lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung. Đây là tình tiết có thật, các bên đều thừa nhận, theo quy định tại Điều 92 BLTTDS đây là những nội dung không cần phải chứng minh. Mặt khác, bà Nh

đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Bản thân ông D và ông Nh cũng không cung cấp được địa chỉ, số điện thoại cần liên hệ. Do đó, quan điểm của đại diện VKS cũng như luật sư cho rằng phải lấy lời khai của bà Nh là không cần thiết. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận.

Về việc xác định người tham gia tố tụng: Trong vụ án này, bà Lê Thị D tham gia với tư cách là công chứng viên, Phó phòng công chứng và đồng thời là người phụ trách phòng Công chứng số A tham gia tố tụng. Mặt khác, việc bồi thường thiệt hại chưa đặt ra (giải quyết bằng vụ kiện khác), nên chưa xem xét cá nhân, tổ chức nào là những chủ thể gây ra thiệt hại. Do đó, không phải đưa Phòng công chứng số A và bà Nguyễn Thị Nh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, bà Dương Thị Minh H – Phó trưởng phòng tài nguyên môi trường đồng thời là giám đốc văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố C xác định: Thửa đất của ông D và ông Nh không làm thủ tục thế chấp cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào, nên không cần phải xác minh nội dung này.

Từ những lập luận nêu trên, HĐXX thấy rằng quan điểm của đại diện VKS và luật sư đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ, làm rõ những nội dung trên là không cần thiết. Do đó, HĐXX không chấp nhận và tiếp tục xét xử vụ kiện là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5]. Trong vụ án này, công chứng viên Lê Thị Du không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao. Vì vậy, HĐXX kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

[6]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 11 Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 7, Điều 52 Luật Công chứng; Điều 117, Điều 123 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 về án, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D:

Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị B, số công chứng 969, quyển số 01/2017 TP/CCSCC/HĐGD, do Công chứng viên Lê Thị D – Phòng công chứng số A tỉnh Hải Dương chứng nhận ngày 03/7/2017 vô hiệu.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn D:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 856509 diện tích 376m² thuộc tờ bản đồ số 06, thửa số 497 mang tên ông Nguyễn Văn D và giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số CI 856510 diện tích 229m² thuộc tờ bản đồ số 06, thửa số 497 mang tên ông Nguyễn Văn Nh do UBND thị xã C (nay là UBND thành phố C) cấp.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự.

Hoàn trả bà Lê Thị D 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0000980 ngày 14/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo nội dung có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo nội dung có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Trường Giang